

Bản án số: 52/2020/DS-ST

Ngày: 31/7/2020

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 4 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Thăng

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Đinh Kim Hoàng

2/ Bà Nguyễn Thị Đông Nguyệt

Thư ký phiên tòa: Ông Cao Đăng Huy – Cán bộ Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Lý - Kiểm sát viên

Trong ngày 31/7/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 4, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 380/2019/TLST-DS ngày 12/12/2019 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 192/QĐST-DS ngày 10/6/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 254/QĐST - DS ngày 06/7/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần A

Trụ sở: Đường D, Phường E, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Bích Thanh C, giấy ủy quyền ngày 04/9/2019 (Có đơn xin vắng mặt).

Bị đơn: Bà Phùng Thị Tuyết B, sinh năm 1957.

Địa chỉ: Đường M, Phường N, Quận P, TP. Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/9/2019, trong quá trình giải quyết vụ án và tại Tòa nguyên đơn có đại diện theo ủy quyền là bà Nguyễn Bích Thanh C trình bày: Vào ngày 18/11/2009 Ngân hàng TMCP A (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) và bà Phùng Thị Tuyết B có ký kết Giấy đề nghị kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng có thời hạn sử dụng là 03 năm, số thẻ tín dụng là 472074 - 3188 với hạn mức tín dụng là 10.000.000 đồng, lãi suất trong hạn là 1,6%/ tháng, lãi suất quá hạn là 3.225%/ tháng với mục đích tiêu xài cá nhân, lãi suất sẽ được ngân hàng điều chỉnh theo từng thời kỳ theo quy định. Thực hiện hợp đồng bà B đã giao dịch (rút tiền) với tổng số tiền 12.600.000 đồng và đã thanh toán tổng cộng số tiền 19.445.000 đồng, bao gồm: Gốc đã thanh toán là 10.087.691 đồng; Lãi trong hạn: 5,569,143 đồng và tổng các loại phí: 3.788.166 đồng. Từ ngày 15/4/2014 đến nay bà B không thanh toán cho ngân hàng, mặc dù phía Ngân hàng đã nhắc nhở bà B nhiều lần nhưng bà B không trả nợ cho Ngân hàng. Nay Ngân hàng yêu

cầu Tòa án buộc bà B phải trả nợ tạm tính đến ngày 06/7/2020 với tổng số tiền là 7,587,488 đồng (Bảy triệu, năm trăm tám bảy nghìn, bốn trăm tám tám đồng). Trong đó, nợ gốc là 2,512,309 đồng, lãi quá hạn là 5.075.179 đồng.

Bị đơn bà Phùng Thị Tuyết B từ khi thụ lý hồ sơ Tòa án nhân dân Quận 4 đã tiến hành triệu tập bà B đến Tòa để giải quyết việc kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần A nhưng bà B không đến, sau khi tiến hành xác minh, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng trình tự, quy định của pháp luật nhưng bà B vẫn cố tình vắng mặt tại Tòa nên mở phiên tòa xét xử.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu trong quá trình giải quyết vụ án. Về mặt tố tụng: Việc thụ lý vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và diễn biến tại phiên tòa đã được Tòa án nhân dân Quận 4 và Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án thực hiện đúng quy trình thủ tục theo quy định của pháp luật. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn bà Phùng Thị Tuyết B có địa chỉ địa chỉ cuối cùng tại Đường M, Phường N, Quận P, TP. Hồ Chí Minh. Ngân hàng thương mại cổ phần A là một bên trong hợp đồng có đơn khởi kiện, nên thẩm quyền giải quyết vụ án này theo trình tự sơ thẩm là Tòa án nhân dân quận 4, được pháp luật quy định tại Khoản 1 Điều 35 và Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào đơn khởi kiện đề ngày 04/9/2019 và chứng cứ kèm theo của Ngân hàng, thì vụ án có quan hệ tranh chấp là: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn Ngân hàng ủy quyền cho bà Nguyễn Bích Thanh C tham gia tố tụng tại Tòa án theo Giấy ủy quyền ngày 04/9/2019 là phù hợp với quy định tại Điều 85 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà C có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử vào ngày 31/7/2020; Bị đơn bà Phùng Thị Tuyết B sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn nhưng bị đơn vẫn không đến Tòa án để trình bày lời khai, hòa giải, đối chất và lập biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đương sự theo đúng với quy định tại Điều 227, Điều 233 và 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về yêu cầu của các đương sự:

Xét yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần A đối với bà Phùng Thị Tuyết B, Hội đồng xét xử xét thấy:

[5] Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ký kết ngày 18/11/2009 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần A và bà B có cơ sở để xác nhận giữa nguyên đơn và bà B đã phát sinh quan hệ giao dịch vay tài sản. Sau khi được Ngân hàng cấp số thẻ tín dụng 472074 - 3188 bà B đã thực hiện nhiều lần rút tiền mặt với số tiền 12.600.000 đồng. Đồng thời, bà B cũng giao dịch thanh toán qua thẻ tín dụng nói trên cho Ngân hàng với tổng số tiền 19.445.000 đồng, bao gồm: Gốc đã thanh toán là 10.087.691 đồng; Lãi trong hạn: 5,569,143 đồng và tổng các loại phí: 3.788.166 đồng. Từ ngày 15/4/2014 đến nay bà B không thanh toán cho ngân hàng, đây chính là nguyên nhân làm phát sinh tranh chấp giữa Ngân hàng đối với bà B 7.587.488 đồng (Bảy triệu, năm trăm tám bảy nghìn, bốn trăm tám tám đồng). Trong đó, nợ gốc là 2.512.309 đồng, lãi quá hạn là 5.075.179 đồng.

[6] Về khoản tiền nợ gốc: Xét trong thời hạn vay kể từ ngày kích hoạt thẻ cho đến nay bà B sử dụng thẻ tín dụng để giao dịch rút tiền mặt với số tiền là 12.600.000 đồng và mới chỉ thanh toán quá hạn cho Ngân hàng tổng số tiền là 10.087.691 đồng là vi phạm nghĩa vụ thanh toán mà các bên đã thỏa thuận tại Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng cấp thẻ tín dụng được các bên xác lập vào ngày 18/11/2009. Nay Ngân hàng yêu cầu bà B tiếp tục thanh toán số tiền gốc là 2.512.309 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[7] Về khoản tiền lãi và phí: Xét Ngân hàng yêu cầu bà B phải thanh toán số tiền lãi và phí là 5.075.179 đồng là phù hợp với quy định về mức lãi suất theo thỏa thuận được quy định tại khoản 2, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên có căn cứ chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: 380.000 đồng, bà Phùng Thị Tuyết B phải chịu;

Trả lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng thương mại cổ phần A.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 351, Điều 463, Điều 465 Bộ Luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án năm 2016;

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần A.

Buộc bà Phùng Thị Tuyết B phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền 7.587.488 đồng (Bảy triệu, năm trăm tám bảy nghìn, bốn trăm tám tám đồng). Trong đó, nợ gốc là 2.512.309 đồng, lãi quá hạn là 5.075.179 đồng, thực hiện một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh của lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Phùng Thị Tuyết B phải chịu 380.000 đồng (Ba trăm tám mươi nghìn đồng);

- Trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng mà Ngân hàng thương mại cổ phần A đã nộp theo biên lai thu số số 0024774 ngày 27/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (Đã được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2014”.

Nơi nhận:

- | | |
|-------------------|-----|
| - TAND TP.HCM; | (1) |
| - VKSND Q.4; | (1) |
| - CC.THADS Q. 4; | (1) |
| - Hai bên đ/sư; | (2) |
| - Lưu: Hồ sơ, Vp. | (3) |

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký tên và đóng dấu)

Trần Văn Thắng